

Số 1002 /BC-BDD

Triệu Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động Quý I,**  
**Phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2020**

Bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 2020, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2019 như tăng trưởng tín dụng, mức vay một số chương trình tín dụng tăng nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; chất lượng tín dụng ổn định, tỷ lệ nợ quá hạn thấp; các cấp, ngành đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp đề ra từ đầu năm; tranh thủ thời tiết thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn trên địa bàn, nên tình hình kinh tế - xã hội của huyện 3 tháng đầu năm cơ bản ổn định và có bước phát triển. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện cũng như NHCSXH gặp không ít khó khăn, thách thức liên quan đến thời tiết, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của đại bộ phận người dân trên địa bàn huyện.

Tiếp tục phát huy kết quả đạt được trong năm 2019, Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện Triệu Sơn luôn chủ động, bám sát chỉ đạo của NHCSXH cấp trên, Ban đại diện HĐQT cấp tỉnh; chỉ đạo NHCSXH huyện phối hợp với các phòng, ban, ngành, các Hội đoàn thể nhận ủy thác, cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm tổ chức thực hiện tốt kế hoạch và nhiệm vụ chính trị được giao, đảm bảo an toàn, hiệu quả và đạt kết quả cao trên các mặt hoạt động.

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NHCSXH HUYỆN**

**1. Công tác tham mưu và tổ chức triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng**

Ngay trong Quý I, đã tham mưu cho UBND huyện chuyển nguồn vốn sang ủy thác cho vay tại NHCSXH theo nội dung tại Chỉ thị 40-CT/TW đạt 1 tỷ đồng, lũy kế đến 31/3/2020 là 4.193 triệu đồng<sup>1</sup>, tăng 1.014 triệu đồng so với năm 2019 (hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch do Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh giao). Căn cứ nguồn vốn, đối tượng thụ hưởng, Ban đại diện đã thực hiện phân bổ cho các xã, thị trấn làm cơ sở bình xét, hoàn thiện hồ sơ cho vay giải ngân kịp thời ngay trong quý I.

**2. Công tác củng cố, kiện toàn của Ban đại diện HĐQT**

<sup>1</sup> UBND huyện chuyển nguồn ngân sách sang ủy thác tại NHCSXH huyện năm 2016 là 500 triệu đồng, năm 2017 là 500 triệu đồng, năm 2018 là 900 triệu đồng, năm 2019 là 1.200 triệu đồng, năm 2020 là 1 tỷ đồng, tiền lãi bỏ sung vào vốn gốc là 93 triệu đồng.

Đến 31/3/2020, Ban đại diện có tổng số 44 thành viên<sup>2</sup> đảm bảo đầy đủ số lượng và theo cơ cấu, giảm 02 thành viên so với năm 2019 do công tác sắp xếp địa bàn hành chính cấp huyện (sáp nhập 02 xã Minh Châu, Minh Dân vào Thị trấn Triệu Sơn).

### **3. Công tác điều hành của Ban đại diện HĐND**

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND, bám sát mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, của NHCSXH các cấp; trong Quý I Ban đại diện đã chỉ đạo và tổ chức triển khai có hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn, điều hành các nhiệm vụ trọng tâm:

- Thực hiện phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu tín dụng theo kế hoạch tăng trưởng được giao cho các xã, thị trấn một cách kịp thời, giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được thụ hưởng tín dụng chính sách nhanh chóng, thuận lợi.

- Ban hành các văn bản để chỉ đạo các ngành có liên quan, hội đoàn thể nhận ủy thác, UBND các xã/thị trấn thực hiện tốt chính sách tín dụng trên địa bàn như chỉ đạo rà soát nhu cầu vay vốn chương trình cho vay Nhà ở xã hội, hộ nghèo làm nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg; chỉ đạo NHCSXH huyện tham mưu cho UBND huyện xây dựng báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp NS&VSMTNT theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg trên địa bàn huyện...

- Tổ chức phiên họp thường kỳ nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019, phương hướng và giải pháp thực hiện năm 2020; ban hành nghị quyết sau phiên họp nhằm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả những mục tiêu đã đề ra.

### **4. Công tác kiểm tra, giám sát**

Công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm, chú trọng thực hiện. Ban đại diện xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát năm 2020 và phân công cụ thể cho từng thành viên; hàng tháng có văn bản phân công các thành viên thực hiện kiểm tra, giám sát. Kết quả trong quý I đã có 02 thành viên Ban đại diện<sup>3</sup> là các phòng, hội đoàn thể ở huyện thực hiện kiểm tra được 02 xã, đạt 5,9% kế hoạch năm.

Qua công tác kiểm tra, giám sát, đã kịp thời chấn chỉnh các tồn tại; đồng thời nắm bắt, phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc về tình hình hoạt động của NHCSXH tại cơ sở, giúp cho tín dụng chính sách được công khai, minh bạch hơn.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA NHCSXH HUYỆN**

Trong Quý I, Phòng giao dịch NHCSXH huyện đã tập trung thực hiện tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch được giao, thực hiện chấn chỉnh các tồn tại, sai sót

<sup>2</sup> Cơ cấu thành viên Ban đại diện gồm: Phó Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng Ban đại diện, thành viên còn lại cơ cấu gồm: Giám đốc NHCSXH huyện, Văn phòng UBND huyện, phòng Nông nghiệp, phòng LĐTB&XH, phòng Tài chính KH, 4 tổ chức chính trị xã hội (HND, HPN, HCCB, ĐTN) và 34 Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

<sup>3</sup> Thành viên kiểm tra, giám sát trong quý gồm: Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện (ktra xã Thọ Phú), Trưởng phòng Tài chính KH (kiểm tra xã Thọ Thế).

theo kết luận của Đoàn kiểm tra chuyên đề NHCSXH tỉnh; đồng thời phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tích cực thực hiện các giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng một cách bền vững.

### **1. Công tác tham mưu, giúp việc Ban đại diện HĐQT**

Trong quý, Ngân hàng chủ động, tích cực tham mưu cho Ban đại diện HĐQT một số nội dung trọng tâm:

- Tham mưu cho Ban đại diện trình HĐND, UBND huyện thực hiện chuyển nguồn vốn ngân sách sang ủy thác cho vay tại NHCSXH huyện.

- Phân bổ vốn mới, điều chỉnh chỉ tiêu tín dụng các chương trình hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, học sinh sinh viên đảm bảo kịp thời, đáp ứng nhu cầu vay vốn cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Tham mưu và làm thư ký giúp việc cho các thành viên Ban đại diện thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch phân công.

- Tham mưu văn bản chỉ đạo các phòng, ngành, Hội, chính quyền xã, thị trấn trong việc thực hiện tín dụng chính sách trên địa bàn; báo cáo, nghị quyết các phiên họp thường kỳ của Ban đại diện.

### **2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu tín dụng**

#### **a) Về nguồn vốn**

Đến 31/3/2020, tổng nguồn vốn tín dụng đạt 526.832 triệu đồng, tăng 14.546 triệu đồng (2,84%) so với đầu năm. Nguồn vốn cân đối từ Trung ương đạt 372.146 triệu đồng, chiếm 70,6% tổng nguồn vốn, giảm 1.252 triệu đồng; nguồn vốn huy động tại địa phương được Trung ương cấp bù lãi suất đạt 140.514 triệu đồng, chiếm 26,7%, tăng 14.384 triệu đồng; nguồn vốn nhận ủy thác là 14.172 triệu đồng, chiếm 2,7%, tăng 1.414 triệu đồng. Trong đó:

- Huy động tiền gửi của tổ chức và cá nhân đạt 109.007 triệu đồng, tăng 15.018 triệu đồng so với đầu năm, hoàn thành 116% kế hoạch tỉnh giao.

- Tiền gửi tiết kiệm thông qua tổ đạt 31.507 triệu đồng, giảm 634 triệu đồng so với đầu năm.

- Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương đạt 14.172 triệu đồng, tăng 1.414 triệu đồng so với đầu năm, hoàn thành 100% kế hoạch giao (trong đó, ủy thác từ ngân sách tỉnh là 9.979 triệu đồng, tăng 400 triệu đồng; ngân sách huyện là 4.193 triệu đồng, tăng 1.014 triệu đồng).

#### **b) Về hoạt động tín dụng**

Doanh số cho vay đến 31/3/2020 đạt 67.345 triệu đồng, bằng 144% so với cùng kỳ năm trước, với 1.550 lượt hộ vay vốn, tập trung vào các chương trình như: cho vay hộ nghèo 5.035 triệu đồng, hộ cận nghèo 16.465 triệu đồng, hộ mới thoát nghèo 27.675 triệu đồng, nước sạch và vệ sinh môi trường 7.160 triệu đồng, cho

vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn 4.115 triệu đồng, cho vay Giải quyết việc làm 4.496 triệu đồng và một số chương trình khác.

Doanh số thu nợ đến 31/3/2020 đạt 56.861 triệu đồng, bằng 174% so với cùng kỳ, tập trung vào các chương trình như: cho vay hộ nghèo 20.505 triệu đồng, hộ cận nghèo 23.169 triệu đồng, cho vay hộ mới thoát nghèo 2.811 triệu đồng, học sinh sinh viên 2.566 triệu đồng, nước sạch vệ sinh môi trường 4.688 triệu đồng, hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn 1.141 triệu đồng và một số chương trình khác.

Tổng dư nợ đến 31/3/2020 đạt 521.805 triệu đồng với 16 chương trình tín dụng, tăng 10.485 triệu đồng so với đầu năm, tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 2,05%; hệ số sử dụng vốn đạt 99%; dư nợ bình quân đạt 38,9 triệu đồng/hộ. Một số các chương trình tín dụng tăng như: cho vay hộ mới thoát nghèo 24.864 triệu đồng, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường 2.472 triệu đồng, cho vay hộ sản xuất KD tại vùng khó khăn 2.974 triệu đồng, cho vay Giải quyết việc làm 3.838 triệu đồng, cho vay hộ nghèo làm nhà ở theo QĐ33 là 1.468 triệu đồng... Bên cạnh đó, dư nợ một số chương trình giảm như: chương trình hộ nghèo 15.470 triệu đồng, hộ cận nghèo 6.704 triệu đồng, học sinh sinh viên 1.717 triệu đồng, cho vay hộ nghèo làm nhà ở 167 giảm 615 triệu đồng, cho vay trồng rừng WB3 giảm 375 triệu đồng...

Trong Quý I, NHCSXH huyện đã thực hiện cho 1.550 lượt hộ được vay vốn để phục vụ cho các mục đích như sản xuất kinh doanh, chăn nuôi, xây dựng các công trình nước sạch, vệ sinh, nhà ở cho hộ nghèo, mua nhà ở xã hội<sup>4</sup>. Vốn tín dụng chính sách xã hội đã thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu nhiệm vụ của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã đề ra về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn.

Trong đó cơ cấu nợ gồm nợ trung hạn 478.749 triệu đồng, chiếm 91,7%; nợ dài hạn 43.506 triệu đồng, chiếm 8,3%.

### ***c) Công tác củng cố nâng cao chất lượng tín dụng***

\* Về nợ quá hạn: đến 31/3/2020 là 282 triệu đồng, chiếm 0,05% tổng dư nợ, giảm 25 triệu đồng và tỷ lệ 0,01% so với đầu năm.

Hiện có 27/34 xã không có nợ quá hạn, chiếm tỷ lệ 79,4%, tăng thêm 01 xã<sup>5</sup> không có nợ quá hạn so với đầu năm và 347 tổ TK&VV không có nợ quá hạn (chiếm 96,7% tổng số tổ), có 03 tổ TK&VV có tỷ lệ nợ quá hạn trên 2%; số tổ xếp loại tốt là 350 tổ (chiếm 97,5%), số tổ xếp loại khá là 7 tổ (chiếm 1,9%), 02 tổ xếp

<sup>4</sup> Đã cho 946 lượt hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo vay vốn; 85 hộ thuộc vùng khó khăn; xây dựng 358 công trình nước sạch và vệ sinh; 62 ngôi nhà ở cho hộ nghèo, góp phần tạo việc làm cho trên 92 lao động vay vốn từ Quỹ Quốc gia QVL.

<sup>5</sup> Trong Quý I tăng thêm 02 xã không có nợ quá hạn (xã Triệu Thành, Hợp Thắng), phát sinh thêm 01 xã có nợ quá hạn (xã Đồng Lợi).

loại trung bình (chiếm 0,6%). Chất lượng tín dụng đã từng bước được củng cố, nợ quá hạn giảm, tỷ lệ nợ quá hạn thấp hơn bình quân chung toàn tỉnh.

\* Về công tác xử lý nợ bị rủi ro: Trong Quý I, đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xử lý bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (xóa nợ) đợt I cho 01 món vay với số tiền là 9.799.330 đồng (trong đó, số tiền gốc là 8.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.799.330 đồng).

#### **d) Hoạt động tại Điểm giao dịch xã**

Hiện nay, NHCSXH huyện thực hiện tổ chức giao dịch tại 34 Điểm giao dịch xã đặt tại trụ sở UBND các xã, thị trấn; phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác quản lý 359 tổ TK&VV. Nâng cao chất lượng giao dịch xã là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, được ưu tiên hàng đầu trong hoạt động tín dụng chính sách. Vì vậy, NHCSXH và các tổ chức Hội đoàn thể luôn phối hợp quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động tại Điểm giao dịch xã, đảm bảo giao dịch được thông suốt, ổn định, ngày càng hoàn thiện, hiện đại, đạt hiệu quả cao trong việc truyền tải nguồn vốn tín dụng chính sách đến các đối tượng thụ hưởng. Ngân hàng đã trang bị nhiều phương tiện để đáp ứng được giao dịch tại xã như ô tô, camera IP, máy tính, máy in, máy đếm tiền... mỗi tổ giao dịch luôn có tối thiểu 03 cán bộ trở lên; về phía chính quyền địa phương đã quan tâm, bố trí nơi giao dịch cho NHCSXH, thường xuyên chỉ đạo giải quyết tồn tại phát sinh, đảm bảo an toàn cho tổ giao dịch xã; về phía hội đoàn thể đã thực hiện sắp xếp nơi giao dịch, hướng dẫn hộ vay đến giao dịch với ngân hàng, kiểm soát hoạt động của các Tổ TK&VV. Đến nay, tỷ lệ giải ngân tại điểm giao dịch xã đạt 98,53%; tỷ lệ thu nợ đạt 91,05%; tỷ lệ thu lãi đạt 98,55%.

#### **e) Kết quả hoạt động ủy thác của các tổ chức chính trị-xã hội**

Công tác phối hợp giữa các tổ chức chính trị xã hội và NHCSXH tiếp tục được tăng cường, nhất là trong công tác kiểm tra, củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng. Có 92 Tổ chức hội, đoàn thể cấp xã<sup>6</sup> thuộc 4 Tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác quản lý 359 Tổ TK&VV với 13.387 hộ còn dư nợ tại 16 chương trình tín dụng chính sách, số tiền là 521.442 triệu đồng, tăng 10.584 triệu đồng so với đầu năm; nợ quá hạn 252 triệu đồng, giảm 25 triệu đồng so với đầu năm; tỷ lệ nợ quá hạn 0,05%. Cụ thể dư nợ theo các Hội đoàn thể như sau:

+ Hội Nông dân quản lý 116.670 triệu đồng với 87 tổ TK&VV, 2.940 hộ vay, chiếm tỷ trọng 22,4% dư nợ nhận ủy thác; tăng 2.603 triệu đồng so với đầu năm; trong đó nợ quá hạn 75,5 triệu đồng, tăng 5 triệu đồng, tỷ lệ NQH 0,06%.

+ Hội Phụ nữ quản lý 278.036 triệu đồng với 181 tổ TK&VV, 7.268 hộ vay, chiếm tỷ trọng 53,3% dư nợ nhận ủy thác; tăng 4.458 triệu đồng so với đầu năm; trong đó nợ quá hạn 113,7 triệu đồng, giảm 10,2 triệu đồng, tỷ lệ NQH 0,04%.

<sup>6</sup> Trong đó Hội Nông dân quản lý tại 27/34 xã, Hội Phụ nữ quản lý 34/34 xã, Hội Cựu chiến binh quản lý 17/34 xã, Đoàn thanh niên quản lý 14/34 xã.

+ Hội Cựu chiến binh quản lý 71.252 triệu đồng với 51 tổ TK&VV, 1.809 hộ vay, chiếm tỷ trọng 13,7% dư nợ nhận ủy thác; tăng 2.818 triệu đồng so với đầu năm; trong đó nợ quá hạn 31,8 triệu đồng, giảm 8 triệu đồng; tỷ lệ NQH 0,04%.

+ Đoàn Thanh niên quản lý 55.484 triệu đồng với 40 tổ TK&VV, 1.370 hộ vay, chiếm tỷ trọng 10,6% dư nợ nhận ủy thác; tăng 705 triệu đồng so với đầu năm; trong đó nợ quá hạn là 30,8 triệu đồng, giảm 12 triệu đồng; tỷ lệ NQH 0,06%.

Bình quân toàn huyện, mỗi Tổ TK&VV quản lý 37 tổ viên, dư nợ bình quân đạt 1.452 triệu đồng, tiền hoa hồng bình quân đạt 1,1 triệu đồng/tổ/tháng.<sup>7</sup>

Trong Quý I, các hội đoàn thể nhận ủy thác cấp huyện, xã đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát; trong đó Hội đoàn thể cấp huyện kiểm tra được 9/92 lượt xã, 12/359 lượt Tổ TK&VV với 122 lượt hộ vay; hội đoàn thể cấp xã kiểm tra được 02/92 hội với 03 tổ TK&VV và 19 hộ vay<sup>8</sup>.

### 3. Công tác kiểm tra.

Trong Quý I, Phòng giao dịch đã được đoàn kiểm tra chuyên đề của chi nhánh NHCSXH tỉnh kiểm tra chuyên đề tín dụng và kế toán. Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại Phòng giao dịch và một số điểm giao dịch xã. Qua công tác kiểm tra, đoàn đánh giá được nhiều việc làm được về công tác tham mưu, các mặt hoạt động nghiệp vụ. Tuy nhiên, đoàn cũng nêu một số tồn tại sai sót cần khắc phục, chấn chỉnh trong công tác giao dịch xã, công tác tín dụng, kế toán.<sup>9</sup>

Trong Quý I, Phòng giao dịch đã thực hiện kiểm tra được 03 xã (xã Thọ Phú, Thọ Vực và Thọ Thế) hoàn thành 100% kế hoạch; với 8 hội đoàn thể, 24 tổ TK&VV (đạt 109%), 237 hộ (đạt 135%) và 10.924 triệu đồng được kiểm tra. Ngoài ra, Ngân hàng còn thực hiện kiểm tra giám sát từ xa trên phần mềm tiện ích KT740, thực hiện kiểm tra trước khi cho vay đối với các hộ có nhu cầu vay nâng mức trên 50 triệu đồng, kiểm tra sau khi cho vay đối với 100% các món giải ngân trong quý. Qua công tác kiểm tra trực tiếp, giám sát từ xa vẫn còn phát hiện một số tồn cần khắc phục như: công tác lưu giữ hồ sơ của tổ chức Hội, Tổ TK&VV; công tác tự kiểm tra của Hội cấp xã; công tác đôn đốc thu hồi nợ quá hạn của Ban thu hồi công nợ của xã...

### 4. Công tác Kế toán - ngân quỹ.

Trong quý I, tổng thu đạt 10.315 triệu đồng, tổng chi đạt 8.369 triệu đồng, chênh lệch thu - chi đạt 1.946 triệu đồng, tỷ lệ thu lãi đạt 100% hoàn thành kế hoạch cấp trên giao.

<sup>7</sup> Trong Quý I phí ủy thác cho Hội đoàn thể các cấp và hoa hồng cho Tổ TK&VV là 1.689 triệu đồng, trong đó phí ủy thác là 500 triệu đồng, hoa hồng cho Tổ là 1.189 triệu đồng.

<sup>8</sup> Về kiểm tra của Hội cấp huyện: HND 03/27 xã, HPN 3/34 xã, CCB 3/17 xã, ĐTN 0/14 xã; kiểm tra của hội đoàn thể cấp xã: HND 02/27 xã, HPN 0/34 xã, HCCB 0/17 xã, ĐTN 01/14 xã.

<sup>9</sup> Tồn tại trong công tác tín dụng, giao dịch xã: có 01 hộ vay liên xã (vay tại Dân Lý và Dân Quyền; xã Thọ Bình và Xuân Thịnh); vay liên huyện (xã Hợp Thành với xã Xuân Du, huyện Như Thanh), trong giao dịch xã vẫn còn tình trạng Tổ trưởng nộp gốc thay hộ vay (xã Thọ Bình).

Kế toán đã chấp hành nghiêm chỉnh việc hạch toán kế toán chính xác, kịp thời, đầy đủ, đúng tính chất tài khoản các nghiệp vụ phát sinh.

Công tác Kho quỹ đã chấp hành đúng việc thu chi tiền mặt hàng ngày, thu đúng, thu đủ; không để xảy ra vượt định mức tồn quỹ tiền mặt theo quy định, đảm bảo an toàn trong công tác kho quỹ.

### III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

- Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban đại diện chưa đạt kế hoạch trong Quý, nguyên nhân là do những tháng đầu năm các thành viên Ban đại diện còn bận nhiệm vụ chuyên môn cho công tác triển khai nhiệm vụ năm 2020, đặc biệt vào tháng 3 bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cho nên dừng tất cả các cuộc kiểm tra tại cơ sở.

- Nợ quá hạn vẫn phát sinh (xã Đồng Lợi 35 triệu đồng), nợ quá hạn cũ giảm chậm, nợ quá hạn tiềm ẩn phát sinh do hộ đi làm ăn xa có chiều hướng gia tăng<sup>10</sup>. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có biện pháp đôn đốc thu hồi nợ đối với hộ đi làm ăn xa, công tác quản lý hộ vay vốn đi làm ăn tại một số xã chưa chặt chẽ.

- Trong hoạt động tín dụng vẫn còn để xảy ra sai phạm như cho vay liên xã (vừa vay ở xã Dân Lý và vay ở xã Dân Quyền); vợ chồng cùng vay vốn (xã Đồng Tiến).

- Hoạt động tại Điểm giao dịch xã vẫn còn gặp khó khăn tại một số xã như nơi giao dịch chật hẹp, công tác đảm bảo an toàn trong giao dịch chưa được cao, không niêm yết được bảng biểu công khai tại xã. Nguyên nhân là do hiện nay một số xã đang thực hiện xây dựng Trụ sở mới (như xã Hợp Lý, Thọ Tiến...).

- Hoạt động của một số hội đoàn thể nhận ủy thác vẫn chưa đảm bảo như: xây dựng kế hoạch kiểm tra chưa đạt yêu cầu; công tác tự kiểm tra theo định kỳ còn đạt thấp; chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV vẫn còn có Tổ xếp loại trung bình, tỷ lệ nợ quá hạn trên 2%.

### IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2020

Trên cơ sở kết quả đạt được trong Quý I, để hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2020 đã được cấp trên giao, trong Quý II cần thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

#### 1. Đối với Ban đại diện HĐQT

- Chỉ đạo NHCSXH huyện, các ngành có liên quan thực hiện tốt Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

- Các thành viên Ban đại diện HĐQT tăng cường kiểm tra, giám sát để đảm bảo đạt kế hoạch đã đề ra.

<sup>10</sup> Một số xã có hộ đi làm ăn xa tiềm ẩn nguy cơ chuyển nợ quá hạn: Xã Đồng Lợi 30trđ, Thọ Cường 24trđ, Xuân Thịnh 45trđ, Thọ Tiến 27trđ

## **2. Đối với NHCSXH huyện**

- Tập trung thu hồi nợ đến hạn, tập trung phân tích nợ xấu để đưa ra giải pháp thu hồi, phần đầu nợ quá hạn không tăng so với đầu năm, tỷ lệ nợ quá hạn dưới 0,06%; thực hiện giải ngân các chỉ tiêu tăng trưởng được giao (như cho vay nhà ở xã hội, cho vay hộ nghèo làm nhà ở theo QĐ33/2015/QĐ-TTg, cho vay Giải quyết việc làm Thanh niên khởi nghiệp); vốn thu nợ tập trung giải ngân ngay tránh để tồn đọng vốn kéo dài. Phần đầu đến 30/6/2020 dư nợ đạt trên 525 tỷ đồng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền huy động vốn dân cư, triển khai tốt hình thức tiết kiệm gửi góp linh hoạt; phần đầu hoàn thành chỉ tiêu huy động được cấp trên giao.

- Thực hiện kiểm tra nội bộ theo kế hoạch đã xây dựng nhằm ngăn ngừa, chấn chỉnh các tồn tại, sai sót xảy ra trong hoạt động tín dụng tại cơ sở.

- Tiếp tục duy trì tốt hoạt động tại Điểm giao dịch xã, đảm bảo an toàn đặc biệt trong đợt ảnh hưởng của dịch COVID-19.

## **3. Đối với các tổ chức, Hội đoàn thể nhận ủy thác**

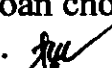
- Phối hợp với NHCSXH huyện, UBND các xã/thị trấn để thực hiện tốt công tác tuyên truyền thực hiện tín dụng chính sách, thực hiện giao dịch xã, nắm bắt và rà soát nhu cầu vay vốn, phối hợp với các ngành để hướng dẫn hội viên vay vốn sử dụng vốn vay hiệu quả.

- Chỉ đạo Tổ trưởng Tổ TK&VV nắm bắt kịp thời các hộ đi làm ăn xa để có các giải pháp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương có biện pháp thu nợ trước hạn hoặc khi đến hạn.

- Các tổ chức Hội đoàn thể các cấp tăng cường công tác kiểm tra theo kế hoạch đã xây dựng; đặc biệt, quan tâm đến công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay đối với các hộ gia đình vay trên mức 50 triệu đồng.

## **4. Đối với UBND xã, thị trấn**

- Chỉ đạo các bộ phận có liên quan, Hội đoàn thể nhận ủy thác, Tổ TK&VV có các giải pháp để chấn chỉnh đối với các hộ đi làm ăn xa không chấp hành việc trả nợ đúng hạn làm gia tăng nợ quá hạn. Các xã (Đồng Lợi, Thọ Cường, Thọ Tiến, Xuân Thịnh...) phải khẩn trương nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời để thu nợ đối với các hộ có nợ đến hạn trong năm 2020 nhưng hiện nay đang đi làm ăn xa (có nguy cơ chuyển nợ quá hạn).

- Bố trí nơi giao dịch cho Ngân hàng đảm bảo đúng theo quy định của cấp trên (tại Hội trường lớn UBND xã); đối với những xã đang xây dựng Trụ sở, Hội trường thì phải bố trí nơi giao dịch theo nguyên tắc "*UBND xã làm việc ở đâu thì bố trí địa điểm giao dịch của NHCSXH ở đó*"; đồng thời tại các buổi giao dịch phải bố trí công an viên hoặc bảo vệ để đảm bảo an toàn cho tổ giao dịch của NHCSXH, đặc biệt trong đợt ảnh hưởng của dịch Covid-19. 



- Các xã đang có nợ quá hạn (Thị trấn Triệu Sơn, Dân Lực, Dân Lý, Tiến Nông, Thọ Cường, Thái Hòa, Đồng Lợi) phải có các biện pháp để giảm nợ quá hạn, đặc biệt đối với các hộ hiện nay đang có ở địa phương nhưng cố tình chây ỳ không trả.

- Chỉ đạo thôn trưởng thực hiện tốt công tác bình xét vay vốn đảm bảo công khai, minh bạch, an toàn vốn; không thực hiện bình xét cho vay đối với các hộ không đủ điều kiện, các hộ không có phương án SXKD.

- Nắm bắt kịp thời các hộ gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 để có kiến nghị với Ngân hàng thực hiện các biện pháp như cho vay bổ sung, gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ; đối với các hộ gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan phối hợp tiến hành lập hồ sơ để nghị xử lý theo quy định.

Trên đây là nội dung đánh giá kết quả hoạt động Quý I, nhiệm vụ Quý II năm 2020 báo cáo các thành viên Ban đại diện HĐQT huyện./.

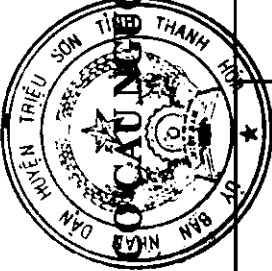
**Nơi nhận:**

- Ngân hàng CSXH tỉnh (b/c);
- Các thành viên BDD;
- Lưu NHCSXH.

**TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Lê Quang Trung**

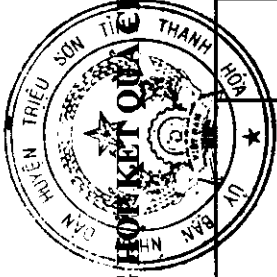

**CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẾN NGÀY 31/3/2020**

Đơn vị: Triệu đồng, %

TT	Chương trình cho vay	Năm 2019		Thực hiện đến ngày 31/3/2020			Tỷ trọng nguồn vốn (%)
		Thực hiện	Tỷ trọng nguồn vốn (%)	Kế hoạch giao năm 2020	Thực hiện	Tăng, giảm so 2019	
1	2	3	4	5	6	7=6-3	8
1	Nguồn vốn Trung ương	373,398	72.9%	386,544	372,146	-1,252	70.6%
2	Nguồn vốn huy động tại địa phương, trong đó:	126,130	24.6%	126,130	140,514	14,384	26.7%
-	Huy động của tổ chức và cá nhân	93,989	18.3%	93,989	109,007	15,018	20.7%
-	Huy động tiền gửi của tổ viên thông qua Tổ TK&VV	32,141	6.3%	32,141	31,507	-634	6.1%
3	Nguồn vốn nhận ủy thác	12,758	2.5%	14,158	14,172	1,414	2.7%
-	Vốn ủy thác từ UBND tỉnh	9,579	1.9%	9,979	9,979	400	1.9%
-	Vốn ủy thác từ UBND huyện	3,179	0.6%	4,179	4,193	1,014	0.8%
	<b>Cộng</b>	<b>512,286</b>	<b>100%</b>	<b>526,832</b>	<b>526,832</b>	<b>14,546</b>	<b>100%</b>



## TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHO VAY CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐẾN 31/3/2020

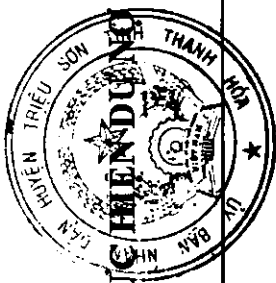


Đơn vị: Triệu đồng, %

TT	Chương trình cho vay	Doanh số cho vay từ đầu năm	Doanh số thu nợ từ đầu năm	Doanh số xóa nợ từ đầu năm	Tổng dư nợ		Trong đó				Số lượt khách hàng vay vốn từ đầu năm	Dư nợ bình quân/hộ	Tỷ trọng dư nợ (%)	
					Tổng số dư	Tăng, giảm so với đầu năm	Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Tỷ lệ NOH (%)				
1	Cho vay Hộ nghèo	5,035	20,505		94,696	-15,470	94,565	130.4			12	13	14	15
2	Cho vay Hộ cận nghèo	16,465	23,169		126,035	-6,704	126,035				2,349	102	40.3	18.1
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	27,675	2,811		126,332	24,864	126,292	40.0			2,976	322	42.4	24.2
4	Cho vay Học sinh sinh viên	849	2,566		23,606	-1,717	23,537	68.9			773	7	30.5	4.5
5	Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường	7,160	4,688		79,413	2,472	79,400	12.5			5,081	358	15.6	15.2
6	Cho vay Giải quyết việc làm	4,496	658		18,984	3,838	18,954	30.0			417	92	45.5	3.6
7	Cho vay Xuất khẩu lao động	0	113		345	-113	345				6	0	57.5	0.1
8	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn	4,115	1,141		29,649	2,974	29,649				694	85	42.7	5.7
9	Cho vay thương nhân tại vùng khó khăn					0	0							
10	Cho vay nhà ở xã hội	0	20		437	-20	437				2	0	218.5	0.1
11	Cho vay Hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167	0	615		3,334	-615	3,334				618	0	5.4	0.6
12	Cho vay Hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 33	1,550	83		11,463	1,468	11,463				460	62	24.9	2.2
13	Cho vay Hộ nghèo xây dựng nhà vượt lũ theo QĐ 48	0	0		442	0	442				30		14.7	0.1
14	Cho vay hộ DTTS ĐBK - QĐ 54/2012	0	4		84	-4	84				11		7.7	0.0
15	Cho vay hộ ĐBDTTS nghèo, đời sống khó khăn 755	0	113		1,012	-113	1,012				68		14.9	0.2
16	Cho vay chương trình dự án phát triển lâm nghiệp	0	375		4,877	-375	4,877				189		25.8	0.9
17	Cho vay Dân tộc thiểu số - QĐ 2085/2016	0	0		1,097	0	1,097				31		35.4	0.2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>67,345</b>	<b>56,861</b>	<b>0.0</b>	<b>521,805</b>	<b>10,485</b>	<b>521,523</b>	<b>281.8</b>	<b>0.0</b>	<b>0.05</b>	<b>16,484</b>	<b>1,550</b>	<b>31.7</b>	<b>100</b>

182

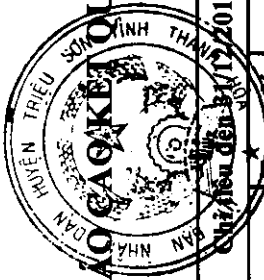
## THỰC HIỆN DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐẾN 31/3/2020



Đơn vị: Triệu đồng, %

TT	Chương trình cho vay	Chỉ tiêu đến 31/12/2019				Chỉ tiêu đến 31/3/2020			
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	Tăng, giảm dư nợ so 2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-4	10
I	CHỈ TIÊU KHA (NGUỒN VỐN TW)	499,528	498,585	100%	512,660	508,147	99.1%	9,562	97.4%
1	Cho vay Hộ nghèo	104,677	104,663	100%	91,157	91,145	100%	-13,518	17.9%
2	Cho vay Hộ cận nghèo	129,946	129,946	100%	124,260	124,249	100%	-5,697	24.5%
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	101,469	101,468	100%	126,360	126,332	100%	24,864	24.9%
4	Cho vay Học sinh sinh viên	25,330	25,323	100%	24,123	23,606	98%	-1,717	4.6%
5	Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường	76,944	76,941	100%	79,441	79,413	100%	2,472	15.6%
6	Cho vay Giải quyết việc làm	10,955	10,915	99.6%	10,925	10,871	99.5%	-44	2.1%
7	Cho vay Xuất khẩu lao động	458	458	100%	458	345	75%	-113	0.07%
8	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn	26,467	26,467	100%	29,467	29,441	100%	2,974	5.79%
9	Cho vay thương nhân tại vùng khó khăn	65	0	0%	65	0	0.0%	0	0.00%
10	Cho vay nhà ở xã hội	457	457		1,957	437	22%	-20	0.09%
11	Cho vay Hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167	3,949	3,949	100%	3,949	3,334	84%	-615	0.66%
12	Cho vay Hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 33	9,995	9,995	100%	12,495	11,463	92%	1,468	2.26%
13	Cho vay Hộ nghèo xây dựng nhà vượt lũ theo QĐ 48	442	442	100%	442	442	100%	0	0.1%
14	Cho vay hộ DTTS ĐBK - QĐ 54/2012	88	88	100%	88	84	96%	-4	0.0%
15	Cho vay hộ ĐBDTTS nghèo, đời sống khó khăn 755	1,125	1,125	100%	1,125	1,012	90%	-113	0.2%
16	Cho vay chương trình dự án phát triển lâm nghiệp	6,064	5,251	87%	5,251	4,877	93%	-374	1.0%
17	Cho vay Dân tộc thiểu số - QĐ 2085/2016	1,097	1,097	100%	1,097	1,097	100%	0	0.2%
II	CHỈ TIÊU KHB (nguồn vốn địa phương Tỉnh+Huyện)	12,758	12,736	100%	14,172	13,658	96%	922	2.6%
1	Cho vay Hộ nghèo	5,511	5,503	100%	3,551	3,551	100%	-1,952	26.0%
2	Cho vay Hộ cận nghèo	2,794	2,794	100%	1,786	1,786	100%	-1,008	13.1%
3	Cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn	208	208	100%	208	208	100%	0	1.5%
4	Cho vay Giải quyết việc làm	4,245	4,231	99.7%	8,627	8,113	94.0%	3,882	59.4%
	<b>Cộng I+II</b>	<b>512,286</b>	<b>511,321</b>	<b>99.8%</b>	<b>526,832</b>	<b>521,805</b>	<b>99.0%</b>	<b>10,484</b>	<b>100%</b>

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHƯƠNG THỨC CHO VAY ĐẾN 31/3/2020



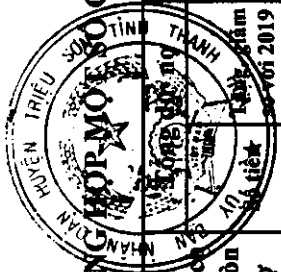
Đơn vị: Triệu đồng, %

TT	Hội đoàn thể	Chỉ tiêu đến 31/3/2019				Chỉ tiêu đến 31/3/2020				So sánh tăng, giảm		
		Tổng dư nợ	Trong đó: Nợ quá hạn	Tỷ lệ NQH (%)	Tổng dư nợ	Trong đó: Nợ quá hạn	Tỷ lệ NQH (%)	Tỷ trọng dư nợ (%)	Tăng, giảm dư nợ	Tăng, giảm nợ quá hạn	Tăng, giảm tỷ lệ NQH (%)	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10=6-3	11=7-4	12	
I	CHO VAY TRỰC TIẾP	463	30	6.5	363	30	8.3	0.1	-100	0.0	1.78	
II	CHO VAY ỦY THÁC	510,858	277.0	0.05	521,442	251.8	0.05	99.9	10,584	-25.2	-0.01	
1	Hội Nông dân	114,067	70.5	0.06	116,670	75.5	0.06	22.4	2,603	5.0	0.00	
2	Hội Phụ nữ	273,578	123.9	0.05	278,036	113.7	0.04	53.3	4,458	-10.2	0.00	
3	Hội Cựu chiến binh	68,434	39.8	0.06	71,252	31.8	0.04	13.7	2,818	-8.0	-0.01	
4	Đoàn Thanh niên	54,779	42.8	0.08	55,484	30.8	0.06	10.6	705	-12.0	-0.02	
	<b>Cộng I+II</b>	<b>511,321</b>	<b>307.0</b>	<b>0.06</b>	<b>521,805</b>	<b>281.8</b>	<b>0.05</b>	<b>100</b>	<b>10,484</b>	<b>-25.2</b>	<b>-0.01</b>	

7/8

**TỔNG HỢP MÔ SƠ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG ĐẾN NGÀY 31/3/2020**

T	Xã	Số tổ TK&VV	Số khách hàng còn dư nợ	Nợ quá hạn			Chất lượng Tổ TK&VV đến 31/3/2020					Đánh giá chất lượng tín dụng tại xã (T,K, TB, Y)
				Số tiền	Tỷ lệ NQH	Tăng, giảm so 2019	Xếp loại khá	Xếp loại trung bình	Xếp loại yếu	Số tổ không có nợ quá hạn	Số tổ có tỷ lệ nợ quá hạn >2%	
1	TT Triệu Sơn	19	681	24,414	204	115.1	0.5	-14.5	4	15	14	Tốt
2	Thọ Phú	6	195	6,936	520					6	6	Tốt
3	Thọ Vực	10	424	13,291	303					10	10	Tốt
4	Xuân Thọ	10	433	20,073	1,010					10	10	Tốt
5	Xuân Lộc	5	189	8,151	98					5	5	Tốt
6	Xuân Thịnh	7	280	9,425	65					7	7	Tốt
7	Thọ Thế	8	310	13,139	1,603					8	8	Tốt
8	Thọ Dân	13	506	23,833	-605					13	13	Tốt
9	Thọ Ngọc	9	215	7,705	27					9	9	Tốt
10	Thọ Cường	8	281	9,005	203	40.0	0.4		1	7	7	Tốt
11	Hợp Lý	9	381	17,189	-298					9	9	Tốt
12	Hợp Tiến	10	335	13,278	-558					10	10	Tốt
13	Hợp Thành	9	376	13,767	-128					9	9	Tốt
14	Triệu Thành	18	715	31,981	-643		0.0	-30.0	1	18	18	Tốt
15	Thọ Bình	27	1,073	48,744	1,446				1	26	27	Tốt
16	Thọ Sơn	16	516	24,052	2,243					16	16	Tốt
17	Bình Sơn	12	521	26,881	867					12	12	Tốt
18	TT Nưa	11	387	15,992	427					11	11	Tốt
19	Đồng Lợi	11	399	15,876	85	35.0	0.2	35.0	1	10	10	Tốt
20	Đồng Thắng	6	226	6,619	52					6	6	Tốt
21	Đồng Tiến	10	451	16,420	-712					10	10	Tốt
22	Nông Trường	10	325	11,539	381					10	10	Tốt
23	Thái Hòa	10	409	15,291	721	31.3	0.2	-12.0	1	9	8	Tốt
24	Khuynh Nông	11	351	12,539	-141					11	11	Tốt
25	Tiên Nông	8	214	9,231	-250	40.0	0.4		1	7	7	Tốt



T	Xã	Số tổ TK&VV	Số khách hàng còn dư nợ	Tổng dư nợ		Nợ quá hạn			Chất lượng Tổ TK&VV đến 31/3/2020					Đánh giá chất lượng tín dụng tại xã (T,K, TB, Y)	
				Số tiền	Tăng, giảm so với 2019	Số tiền	Tỷ lệ NQH	Tăng, giảm so 2019	Xếp loại tốt	Xếp loại khá	Xếp loại trung bình	Xếp loại yếu	Số tổ không có nợ quá hạn		Số tổ có tỷ lệ nợ quá hạn >2%
26	Vân Sơn	10	391	13,113	969				10				10		Tốt
27	An Nông	10	413	12,584	-200				10				10		Tốt
28	Minh Sơn	7	366	11,559	969				7				7		Tốt
29	Dân Lực	9	336	10,029	-224	12.8	0.1		9				8		Tốt
30	Dân Lý	10	310	9,135	191	7.6	0.1		10				9		Tốt
31	Dân Quyền	11	367	14,193	203				11				11		Tốt
32	Thọ Tân	10	355	13,592	810				10				10		Tốt
33	Hợp Thắng	8	329	9,414	549		0.0	-3.7	8				8		Tốt
34	Thọ Tiến	11	339	12,819	298				11				11		Tốt
	Cộng	359	13,399	521,805	10,485	281.8	0.05	-25.2	350	7	2	0	347	3	
	Tỷ lệ %								97.5	1.9	0.6	0.0	96.7	0.8	100

9/3/2

**HỒ SƠ ĐUỔI NỢ THEO HỢI, ĐOÀN THÈ ĐẾN NGÀY 31/3/2020**

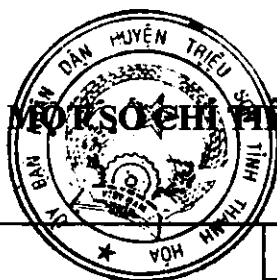
TT	Xã	Tổng số HBT nhận UT	Tổng số hộ vay vốn	Tổng số TK&VV	Tổng dư nợ ủy thác	Hội Nông dân				Hội Phụ nữ				Hội Cựu chiến binh				Đoàn Thanh niên								
						Tổng dư nợ ủy thác	Tổng dư nợ	Số hộ	Trong đó: NQH	Số hộ	Tổng dư nợ	Số hộ	Trong đó: NQH	Số hộ	Tổng dư nợ	Số hộ	Trong đó: NQH	Số hộ	Tổng dư nợ	Số hộ	Trong đó: NQH					
1	TT Triệu Sơn	4	679	19	24,364	85.1	3	98	3,212	6	204	8,381	66.1	6	229	8,734	19.0	4	148	4,038						
2	Thọ Phú	3	195	6	6,936	-	2	38	1,827	3	126	4,149		1	31	960										
3	Thọ Vực	2	424	10	13,291	-	3	88	2,704	7	336	10,587														
4	Xuân Thọ	2	433	10	20,073	-				5	220	10,643				9,430										
5	Xuân Lộc	2	189	5	8,151	-	2	61	2,588	3	128	5,563														
6	Xuân Thịnh	2	280	7	9,425	-	3	84	2,789	4	196	6,636														
7	Thọ Thế	3	310	8	13,139	-	2	79	2,740	3	148	6,754				3,645										
8	Thọ Dân	4	506	13	23,833	-	3	91	3,725	6	314	15,447				2,137							2	52	2,524	
9	Thọ Ngọc	3	215	9	7,705	-				5	103	3,999				2,103							2	48	1,603	
10	Thọ Cường	2	281	8	9,005	40.0	1	22	858	7	259	8,147	40.0													
11	Hợp Lý	2	379	9	17,152	-				6	259	11,664											3	120	5,488	
12	Hợp Tiến	3	335	10	13,278	-	3	109	4,642	5	164	5,986											2	62	2,650	
13	Hợp Thành	2	376	9	13,767	-	4	141	4,833	5	235	8,934														
14	Triệu Thành	3	715	18	31,981	-	3	124	5,709	9	390	16,944											6	201	9,328	
15	Thọ Bình	4	1,072	27	48,674	-	7	265	12,050	8	332	15,000				11,746						6	224	9,879		
16	Thọ Sơn	4	516	16	24,052	-	4	114	5,466	4	149	7,215				6,392						4	117	4,979		
17	Bình Sơn	4	521	12	26,881	-	6	265	13,832	3	133	6,904				2,353						1	45	2,78	3,791	
18	TT Nưa	3	387	11	15,992	-	3	111	4,395	6	202	8,321				3,276						2	74			
19	Đồng Lợi	3	399	11	15,876	35.0	2	77	3,107	6	210	8,344	35.0									3	112	4,424		
20	Đồng Thắng	2	226	6	6,619	-				4	155	4,738											2	71	1,881	
21	Đồng Tiến	2	449	10	16,387	-				9	415	15,247											1	34	1,140	
22	Nông Trường	2	324	10	11,522	-				5	178	6,588				4,934							5	146		
23	Thái Hòa	3	409	10	15,291	31.3	1	45	1,922	8	312	11,463	0.5									1	52	1,906	30.8	

*[Handwritten signature]*



24	Khuyến Nông	2	351	11	12,539	-	4	116	4,231		7	235	8,309									
25	Tiến Nông	2	212	8	9,196	40.0	4	87	3,490	40.0	4	125	5,706									
26	Vân Sơn	2	391	10	13,113	-	4	163	5,457		6	228	7,655									
27	An Nông	2	411	10	12,463	-	4	146	4,566		6	265	7,897									
28	Minh Sơn	2	366	7	11,559	-					5	277	8,817	2	89	2,743						
29	Dân Lực	3	336	9	10,029	12.8	2	78	2,636		5	193	5,566	2	65	1,827	12.8					
30	Dân Lý	2	310	10	9,135	7.6	5	112	3,622		5	198	5,513	7.6								
31	Dân Quyền	3	367	11	14,193	-	4	153	6,166		4	133	5,029		3	81	2,998					
32	Thọ Tân	3	355	10	13,592	-	2	68	2,479		5	184	7,538		3	103	3,574					
33	Hợp Thành	3	329	8	9,414	-	3	115	3,796		3	127	3,223		2	87	2,395					
34	Thọ Tiến	4	339	11	12,819	-	3	90	3,828		4	135	5,131		2	63	2,006		2			
	<b>Cộng</b>	<b>92</b>	<b>13,387</b>	<b>359</b>	<b>521,442</b>	<b>251.8</b>	<b>87</b>	<b>2,940</b>	<b>116,670</b>	<b>75.5</b>	<b>181</b>	<b>7,268</b>	<b>278,036</b>	<b>113.7</b>	<b>51</b>	<b>1,809</b>	<b>71,252</b>	<b>31.8</b>	<b>40</b>	<b>1,370</b>	<b>55,485</b>	<b>30.8</b>
	<b>Tỷ trọng dư nợ và tỷ lệ NQH</b>																					
									<b>22.4%</b>	<b>0.06%</b>			<b>53.3%</b>	<b>0.04%</b>			<b>13.7%</b>	<b>0.04%</b>		<b>10.6%</b>	<b>0.06%</b>	

*Handwritten signature or initials*



# TỔNG HỢP MỘT SỐ CHỈ TIÊU SO VỚI CÙNG KỲ

PL 07/BCQI

Đơn vị: Triệu đồng, %

TT	Tên chỉ tiêu	Thực hiện đến 31/3/2019	Thực hiện đến 31/3/2020		
			Thực hiện	So sánh tăng, giảm	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4-3</i>	<i>6</i>
1	Dư nợ tín dụng	484,951	521,805	36,854	7.6%
2	Số hộ dư nợ	13,787	13,399	-388	-2.8%
3	Dư nợ bình quân/hộ	35.2	38.9	3.8	10.7%
3	Doanh số cho vay	46,736	67,345	20,609	144.1%
4	Doanh số thu nợ	32,166	56,861	24,695	176.8%
5	Nợ quá hạn	526	282	-244	-46.4%
6	Tỷ lệ nợ quá hạn	0.11	0.05	-0.05	-50.2%
7	Dư nợ ủy thác, trong đó:	484,484	521,442	36,958	7.6%
-	Hội Nông dân	107,173	116,670	9,497	8.9%
-	Hội Nông dân	273,799	278,036	4,237	1.5%
-	Hội Nông dân	61,970	71,252	9,282	15.0%
-	Hội Nông dân	41,542	55,485	13,943	33.6%
8	Huy động vốn	113,022	140,514	27,492	24.3%
	<b>Cộng</b>	<b>499,264</b>	<b>535,486</b>	<b>36,222</b>	<b>100%</b>

*Handwritten signature or mark*